

Số: 1870 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình
Dự án xây dựng điểm Định canh định cư tập trung thôn Nước Nẻ
(nay là thôn Nước Y), xã Ba Vinh, huyện Ba Tư**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV	Số: 8121
ĐẾN	Ngày 11/10/16
	Chuyên:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư đến năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 15/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số;

Căn cứ Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung thôn Nước Nẻ, xã Ba Vinh, huyện Ba Tư;

Căn cứ Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn thực hiện chính sách định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số từ nguồn ngân sách Trung ương;

Xét đề nghị của Trưởng ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 399/TTr-BDT ngày 01/9/2016, của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 2201/SXD-KTKHXD&HT ngày 26/9/2016 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung thôn Nước Nẻ (nay là thôn Nước Y), xã Ba Vinh, huyện Ba Tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung thôn Nước Nè (nay là thôn Nước Y), xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ, với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung thôn Nước Nè (nay là thôn Nước Y), xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ.

2. Tên chủ đầu tư: Ban Dân tộc tỉnh.

3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Liên danh Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Miền Trung và Công ty Cổ phần đầu tư và xây lắp Miền Trung.

4. Chủ nhiệm lập BCKT-KT: KS. Phạm Đăng Nhân.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Phần đầu đến năm 2016 cơ bản hoàn thành điểm định canh, định cư tập trung thôn Nước Nè, xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ có đủ các công trình hạ tầng thiết yếu, nhà ở, đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt theo quy định tại Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg, đảm bảo 36 hộ đồng bào dân tộc trên địa bàn xã còn du canh, du cư có nơi ở ổn định, có đủ điều kiện phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, sớm thoát nghèo.

6. Nội dung và quy mô đầu tư đầu tư xây dựng:

6.1. Đường giao thông:

- Loại đường (Theo TCVN 10380:2014):

+ Đường giao thông ngoại vùng: Đường Giao thông nông thôn loại B;

+ Đường giao thông nội vùng: Đường Giao thông nông thôn loại C.

- Chiều dài tuyến:

+ Đường giao thông ngoại vùng: $L = 219,67\text{m}$.

+ Đường giao thông nội vùng: $L = 440,07\text{m}$.

- Mặt cắt ngang đường:

+ Đường giao thông ngoại vùng: Bề rộng nền đường 5,0m, bề rộng mặt đường 3,5m, bề rộng lề đường 0,75mx2;

+ Đường giao thông nội vùng: Bề rộng nền đường 4m, bề rộng mặt đường 3m, bề rộng lề đường 0,5mx2;

- Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max}=6,71\%$, dốc ngang mặt đường $I_m=2\%$, lề đường $I_l=4\%$.

6.2. Cấp điện:

- Đường dây 22kV, 3 pha xây dựng mới: 430m;

- 01 trạm biến áp, với công suất: 30kVA-22/0,4kV;

- Đường dây 0,4kV xây dựng mới: 477,5 m

6.3. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật:

a) San nền: San nền toàn bộ khu đất, tổng diện tích san nền khoảng 16.491m^2 , tổng khối lượng đất đắp san nền $8.048,39\text{m}^3$, tổng khối lượng đất đào san nền $34.034,22\text{m}^3$, tận dụng đất đào để đắp.

b) Thoát nước dọc: Thiết kế mương hộp bê rộng B300, tổng chiều dài 908,2m.

c) Gia cố mái taluy: Gia cố mái taluy đào phía Nam khu đất, tổng chiều dài 214,48m.

d) Giếng nước: Thiết kế giếng đào sâu 10m, tổng số lượng giếng là 10 cái.

đ) Cọc phân lô: có 62 cọc phân lô đôi và 16 cọc phân lô đơn.

7. Địa điểm xây dựng: thôn Nước Y, xã Ba Vinh, huyện Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Diện tích khu đất: khoảng 20.539m^2 .

9. Phương án xây dựng:

a) Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng nêu trong thuyết minh thiết kế: TCVN 4447:2012; TCVN 2737:1995; TCVN 5574:2012; TCVN 4054-2005; TCVN 10380:2014;

b) Giải pháp thiết kế:

b.1) Đường giao thông:

- Bình đồ và trắc dọc tuyến được thiết kế qua cao độ khống chế điểm đầu, điểm cuối, cao độ san nền, thiết kế theo nguyên tắc khối lượng đào đắp là nhỏ nhất.

- Trắc ngang: Được thiết kế với quy mô bề rộng nền, mặt đường và độ dốc theo mục 3.1.

- Nền, mặt đường:

+ Cao độ nền mặt đường được thiết kế thông qua cao độ san nền.

+ Nền đường: Đối với nền đào, đào khuôn và lu lèn $K \geq 0,98$; đối với nền đắp, đắp từng lớp bằng đất đồi và lu lèn $K \geq 0,95$ sau khi bóc hữu cơ, riêng 30cm trên cùng lu lèn $K \geq 0,98$.

+ Mặt đường: Đối với tuyến đường ngoại vùng: Mặt đường bê tông xi măng với kết cấu từ trên xuống như sau: Lớp mặt đường BTXM M250 dày 18 cm; lớp giấy dầu tạo phẳng chống thấm; móng đá dăm loại 1 dày 12cm; Đối với tuyến đường nội vùng: Mặt đường bê tông xi măng với kết cấu từ trên xuống như sau: Lớp mặt đường BTXM M250 dày 16 cm; lớp giấy dầu tạo phẳng chống thấm; móng đá dăm loại 1 dày 10cm.

- Thoát nước ngang:

+ Cống D100 tại Km0+30,00 và Km0 ±190,00: Khổ cống bằng khổ nền đường, cống bằng bê tông ly tâm M200 đá 1x2; móng đầu cống, tường đầu,

chân khay, sân công bằng BT M150 đá 4x6; móng thân công bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 30cm.

- + Tiêu chuẩn thiết kế công: Quy trình 22TCN 18-79;
- + Tải trọng thiết kế H30 – XB80.
- Thiết kế gia cố mái taluy, chân khay bằng bê tông M150.
- Nút giao thông: Nút giao thông trên tuyến được thiết kế giản đơn với nút giao thông cùng mức, được bố trí đảm bảo tầm nhìn êm thuận, an toàn khi xe chạy và thoát nước tốt, kết cấu theo kết cấu của tuyến đường chính.
- Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông trên tuyến được thiết kế đảm bảo các yêu cầu quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/ BGTVT.
- Bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống cháy nổ và an toàn lao động: Có thiết kế giải pháp bảo vệ môi trường trên các tuyến, thiết kế phòng chống cháy nổ và an toàn lao động trong thi công đảm bảo yêu cầu.

b.2) Cấp điện:

- Dây dẫn: Xây dựng mới đường dây trung thế 22kV, kết cấu đường dây 3 pha, 3 dây trên không, vận hành cấp điện áp 22kV. Dùng dây loại dây nhôm trần AC-70.

- Cách điện: Dùng sứ đứng 24kV, loại line Post.

- Cột: Đối với cột xây dựng mới dùng cột bê tông ly tâm thường đúc sẵn, cao 12m, 14m. Ký hiệu: BTLT-12A, BTLT-12C, BTLT-14C; Móng cột, dùng móng bê tông cốt thép đổ tại chỗ. Ký hiệu: MT-3, MTĐ-3, MTĐ-4.

- Trạm biến áp:

+ Dùng sơ đồ đường dây - MBA, MBA 03 pha có dung lượng 30kVA, cấp điện áp 22/0,4kV, cuộn dây cao thế có giới hạn điều chỉnh $\pm 2 \times 2,5\% U_{đm}$, tổ đấu dây : Δ/Y_0-11 ;

+ Phía 22kV của máy biến áp: 01 bộ FCO 24kV để bảo vệ quá tải, ngắn mạch và thao tác không tải; 01 bộ LA 18k để bảo vệ chống quá điện áp được lắp đặt sau cầu chì tự rơi; Dây dẫn từ đầu cột trạm đến FCO, LA và từ FCO đến đầu cực MBA dùng dây đồng bọc C/XLPE-50-12,7/24kV; Tại các vị trí đấu nối như đầu cực MBA, FCO, LA lắp các chụp cách điện có chuẩn loại thích hợp

+ Phía hạ áp: Sử dụng áp-tô-mát để bảo vệ quá tải và ngắn mạch phía hạ áp. Chọn 01 aptô-mát tổng: 75A-600V; Cấp tổng từ máy biến áp đến áp-tô-mát tổng dùng cáp 600V đồng bọc CVV(3x50+1x35)-0,6/1kV và được đi trong ống nhựa xoắn HDPE Ø-114.

- Đường dây 0,4kV: Được thiết kế theo tiêu chuẩn cấp điện áp 0,4kV, kết cấu 3 pha 4 dây, đi trên không.

+ Dây dẫn: Dùng cáp vặn xoắn bọc cách điện hạ áp, ký hiệu: LV ABC A4x50mm²-0,4/1kV.

+ Cột: dùng bê tông ly tâm thường đúc sẵn, hoặc cột dự ứng lực có thông số kỹ thuật tương đương cột bê tông ly tâm thường, ký hiệu: BTLT-8.4A, BTLT-8.4C;

+ Móng cột: Chọn móng khối bê tông cốt thép đúc tại chỗ, ký hiệu MT-1, MTD-1.

b.3) Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật

- San nền: Tận dụng khối lượng đất đào để đắp, hệ số đầm nén đất đắp $K=0,9$.

- Thoát nước dọc: Thiết kế mương hộp bê rộng B300, đoạn qua trước các lô đất (trước nhà) đập đan BTCT dày 150mm, bê tông mương đá 1x2 mác 200, đan đập thiết kế bê tông đá 1x2 mác 250.

- Gia cố mái taluy: Gia cố mái taluy đào phía Nam khu đất, mái taluy bê tông đá 1x2 mác 150, chân khay bê tông đá 4x6 mác 150, độ dốc mái taluy 1/1,5.

- Giếng nước: Thiết kế giếng đào sâu 10m, tổng số lượng giếng là 10 cái, thành giếng gia cố bằng buy BT đúc sẵn.

- Cọc phân lô: Cọc phân lô BTCT đá 1x2 mác 200, có 62 cọc phân lô đôi và 16 cọc phân lô đơn.

10. Loại và cấp công trình:

Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

11. Tổng mức đầu tư: **10.720.756.000** đồng (*Bằng chữ: Mười tỷ, bảy trăm hai mươi triệu, bảy trăm năm mươi sáu ngàn đồng*). Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 6.911.928.000 đồng
- Chi phí thiết bị: 99.291.000 đồng
- Chi phí Quản lý dự án: 143.945.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư XD: 658.680.000 đồng
- Chi phí khác: 539.622.000 đồng
- Chi phí bồi thường GPMB: 1.949.616.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 417.674.000 đồng

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương.

13. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án 33 quản lý dự án

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, giao chủ đầu tư:

1. Căn cứ vào khối lượng và biện pháp thi công thực tế, các chế độ chính sách hiện hành làm cơ sở quản lý, nghiệm thu thanh toán theo đúng qui định của pháp luật về đầu tư xây dựng; quản lý chặt chẽ kinh phí của công trình trong

phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 2201/SXD-KTKHXDHT ngày 26/9/2016.

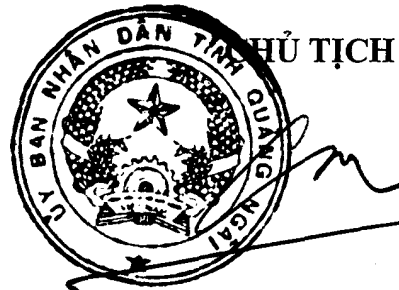
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này điều chỉnh, thay thế một số nội dung tại Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh. Riêng nội dung tại Tiết a.1 Điểm a Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 2327/QĐ-UBND vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy Ban Dân tộc (b/cáo);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT(KT) UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP (NC), TH, CBTH;
- Lưu: VT,pKT(LeSang253).



Trần Ngọc Căng